

Khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Strongly promoting the potential and self-reliant spirit of female intellectuals in the current context of digital transformation

TS. TRẦN THỊ THẢO ANH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thaoanhhvcbtt@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/01/2026

Ngày phản biện: 20/3/2026

Ngày duyệt đăng: 23/5/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, đội ngũ nữ trí thức Việt Nam đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội lớn, họ cũng phải đối mặt với không ít thách thức do rào cản giới, hạn chế kỹ năng số và áp lực xã hội. Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận - thực tiễn về tiềm năng và ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm khơi dậy, phát huy mạnh mẽ nguồn lực đặc biệt này, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển quốc gia số và bình đẳng giới trong thời kỳ mới.

Từ khóa: Nữ trí thức; tự lực tự cường; tiềm năng; chuyển đổi số; bình đẳng giới.

Abstract: In the context of global digital transformation, Vietnamese female intellectuals are playing an increasingly important role in national development. However, alongside major opportunities, they also face numerous challenges caused by gender barriers, limited digital skills, and social pressures. The article focuses on analyzing the theoretical and practical foundations of the potential and self-reliant spirit of female intellectuals while proposing solutions to awaken and strongly promote this special resource, thereby contributing to the successful realization of the goals of national digital development and gender equality in the new era.

Keywords: female intellectuals; self-reliance; potential; digital transformation; gender equality.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định đây là một trong ba trụ cột quan trọng của phát triển đất nước, cùng với phát triển kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã nhấn mạnh cần phát huy tối đa các nguồn lực, đảm bảo đủ nguồn lực cho việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài (Bộ Chính trị, 2019). Trong dòng chảy đó, nữ trí thức - lực lượng hội tụ tri thức, năng lực và phẩm chất nhân văn giữ vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức khoa học.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi

nhận, nữ trí thức Việt Nam vẫn đang đối diện với nhiều rào cản, từ định kiến xã hội, trách nhiệm gia đình cho đến cơ hội tiếp cận công nghệ và vị trí lãnh đạo. Để họ phát huy hết khả năng và khẳng định vai trò của mình, việc khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019).

Nữ trí thức là những phụ nữ có trình độ học vấn, được đào tạo bài bản, hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giảng dạy, quản lý, sáng tạo và đổi mới. Độ tuổi của đội ngũ nữ trí thức Việt Nam ngày càng trải rộng, từ khoảng 20 đến 80 tuổi; đồng thời, số lượng nữ thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư và giáo sư liên tục tăng lên. Họ hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực, từ giáo dục - đào tạo đến công nghệ số, kỹ

thuật quốc phòng, khoa học sự sống và nhiều ngành nghề khác. Họ là lực lượng nòng cốt trong việc hình thành tri thức mới, lan tỏa giá trị nhân văn và phát triển xã hội bền vững. Tiềm năng của nữ trí thức bao gồm năng lực chuyên môn, tư duy khoa học, khả năng sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức.

Ý chí tự lực, tự cường có ý nghĩa nền tảng trong sự hình thành và phát triển của mỗi cá nhân, đặc biệt khi xã hội đang vận động mạnh mẽ dưới ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ góc độ triết học Mác - Lênin, ý chí tự lực, tự cường thể hiện năng lực tự ý thức, khả năng tự quyết định và tinh thần chủ động vượt qua khó khăn để khẳng định vai trò của con người trong lịch sử. Đó là biểu hiện sinh động của tính chủ thể - yếu tố giúp cá nhân phát huy sức mạnh nội sinh, tự tạo ra động lực vươn lên trong lao động, học tập và sáng tạo.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng luôn đề cao tinh thần tự lực, tự cường như cội nguồn của mọi thắng lợi, coi đây là phẩm chất cần thiết để mỗi người Việt Nam trưởng thành và góp phần xây dựng đất nước. Những quan điểm đó là nền tảng quan trọng để lý giải vì sao trong giai đoạn hiện nay, ý chí tự lực, tự cường không chỉ là yêu cầu về đạo đức xã hội mà còn là một năng lực cốt lõi giúp con người thích ứng với sự thay đổi nhanh của thời đại số.

Trong cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước, nữ trí thức là lực lượng có vai trò đặc biệt quan trọng. Họ là những người phụ nữ được đào tạo bài bản, có trình độ học vấn cao, sở hữu tri thức chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng sáng tạo tri thức mới. Nữ trí thức mang trong mình những tiềm năng phong phú về trí tuệ, tư duy phản biện, khả năng cảm nhận tinh tế, nhạy bén và tính nhân văn sâu sắc. Những đặc điểm này giúp họ có thể mạnh trong tư duy đổi mới, giải quyết vấn đề theo hướng linh hoạt, liên ngành, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế số. Đồng thời, nữ trí thức còn có vai trò lan tỏa giá trị văn hoá, tri thức khoa học trong gia đình, xã hội và môi trường học thuật, góp phần định hình những chuẩn mực phát triển tiến bộ, nhân văn của thời đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Chuyển đổi số tạo ra cơ hội để phụ nữ tiếp cận tri thức mới, công nghệ mới và không gian sáng tạo rộng mở; nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là yêu cầu cập nhật kỹ năng số liên tục, sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và những rào cản giới vẫn tồn tại trong các ngành STEM. Chính vì vậy, ý chí tự lực, tự cường trở thành nguồn lực mạnh mẽ bên trong giúp nữ trí thức chủ động học tập suốt đời, làm chủ công nghệ, nâng cao năng lực chuyên môn và vươn lên trong môi trường nghề nghiệp được số hóa. Ý chí đó giúp họ vượt qua định kiến giới, khẳng định vị trí trong các hoạt động nghiên cứu, quản lý, đổi mới sáng tạo, đồng thời đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò phụ nữ được thể hiện sâu sắc trong nhiều bài viết và lời kêu gọi: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp rực rỡ” (Hồ Chí Minh, 2011). Như vậy, ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức vừa là phẩm chất nhân cách, vừa là yêu cầu tất yếu của thời đại. Nó kết hợp sức mạnh truyền thống của dân tộc với bản lĩnh nghề nghiệp của người phụ nữ Việt Nam hiện đại, tạo thành động lực mạnh mẽ để phát huy nguồn lực trí tuệ nữ trong xây dựng xã hội số, kinh tế số và con người số. Đây cũng chính là nền tảng lý luận quan trọng để tiếp tục đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tiềm năng của đội ngũ nữ trí thức trong giai đoạn hiện nay.

Đảng ta luôn coi phụ nữ là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số, thể hiện qua:

- Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội Việt Nam.
- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 28/QĐ-TTg, 2021);
- Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg, 2020).
- Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số

569/QĐ-TTg, 2022);

Các văn kiện trên đều nhấn mạnh yêu cầu phát huy nguồn nhân lực nữ trí thức, tạo môi trường bình đẳng để phụ nữ phát triển toàn diện trong thời đại số. Chuyển đổi số tạo ra môi trường cạnh tranh tri thức và công nghệ khốc liệt nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội cho phụ nữ. Nữ trí thức ở Việt Nam đang dần thay đổi nhận thức về thời đại số, sẵn sàng đón nhận, trải nghiệm công nghệ mới và bắt đầu thừa hưởng những giá trị từ nền kinh tế số năng động, sáng tạo. Ý chí tự lực, tự cường đóng vai trò là “sức mạnh kép” giúp nữ trí thức làm chủ công nghệ, tri thức số; bứt phá vượt qua rào cản giới, định kiến xã hội; khẳng định bản lĩnh, vai trò trong nghiên cứu khoa học và quản lý đồng thời góp phần quan trọng trong thực hiện chiến lược phát triển đất nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đặc biệt là nguyên lý về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, giữa điều kiện khách quan và vai trò chủ thể của con người. Trên nền tảng đó, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về tiềm năng và ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức; phương pháp lịch sử - logic để làm rõ sự hình thành và phát triển vai trò của nữ trí thức trong bối cảnh chuyển đổi số; phương pháp so sánh và đối chiếu nhằm nhận diện những đặc điểm, xu hướng và thách thức đặt ra trong thực tiễn. Đồng thời, bài viết còn vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của con người như chủ thể sáng tạo lịch sử để phân tích sâu sắc yếu tố ý chí, năng lực tự thân của nữ trí thức trong quá trình thích ứng và phát triển trong kỷ nguyên số. Việc kết hợp giữa phương pháp luận triết học với phân tích thực tiễn góp phần bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và tính định hướng lý luận của bài nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nữ trí thức Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

Thành tựu nổi bật

Tại Hội thảo với chủ đề “Dấu ấn trí tuệ của nhà khoa học nữ Việt Nam và khát vọng bứt phá trong kỷ

nguyên mới”, một trong những số liệu nổi bật được đưa ra là ở Mỹ Latinh và Caribe, tỷ lệ nhà khoa học nữ gần đạt mức cân bằng, trong khi tại nhiều quốc gia châu Á phát triển, con số này khá khiêm tốn: Nhật Bản chỉ đạt 17%, Đài Loan 18,8%, Hàn Quốc 20-25%, Trung Quốc 28%. Nội khối ASEAN cũng thể hiện sự chênh lệch: Philippines và Thái Lan đều có trên 50% nhà nghiên cứu là nữ, nhưng Singapore chỉ đạt 34% và Campuchia khoảng 20%. Việt Nam nổi lên như một trường hợp đáng chú ý khi tỷ lệ nữ giới tham gia nghiên cứu khoa học đạt khoảng 45% - thuộc nhóm cao nhất trong khu vực và vượt mức trung bình toàn cầu. Điều này phản ánh truyền thống đề cao giáo dục bình đẳng cùng những nỗ lực bền bỉ của đội ngũ nữ trí thức Việt Nam (Trọng Nhân, 2025).

Nhiều nữ trí thức đã đạt thành tựu nổi bật trong nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, y học, xã hội nhân văn và quản lý. Họ là tác giả của hàng nghìn công trình khoa học được công bố trong và ngoài nước, nhiều người được vinh danh Giải thưởng Kovalevskaja, Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ, hay giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt trong các viện, trường đại học và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong ba nhiệm kỳ Đại hội Đảng gần đây (2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025), sự tham gia của cán bộ nữ trong Ban Thường vụ, Thường trực cấp ủy (Bí thư, Phó Bí thư) ở cả ba cấp địa phương là tỉnh, huyện và xã có xu hướng gia tăng rõ rệt. Hiện nay, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đạt bình quân trên 15% ở cấp tỉnh, trên 20% ở cấp huyện và trên 25% ở cấp xã. Đặc biệt, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XV (2021 - 2026) đạt 30,26%, vượt mức trung bình của thế giới là 25% (tính tại thời điểm đầu nhiệm kỳ) (Thúy Hồng, 2025).

Trong môi trường nghiên cứu khoa học đầy áp lực và cạnh tranh, các nhà khoa học nữ cần không ngừng trau dồi tri thức, rèn luyện năng lực chuyên môn và bản lĩnh nghề nghiệp. Họ không chỉ cần có tri thức và kỹ năng mà còn phải nuôi dưỡng niềm đam mê, khát vọng sáng tạo và tinh thần đổi mới không ngừng. Quan trọng hơn, mỗi người phải đủ nghị lực để vượt qua trở ngại, đồng thời biết cách cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình - một thách thức thường trực đối với phụ nữ.

Điều đó đòi hỏi mỗi nữ trí thức phải luôn giữ tinh

thần học tập suốt đời, học ở mọi lúc, mọi nơi, theo tấm gương tự học, tự rèn của Chủ tịch Hồ Chí Minh – người từng khẳng định: “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân, không học thì không tiến bộ được” (Hồ Chí Minh, 2011). Bên cạnh nỗ lực tự thân, sự quan tâm, phát hiện và hỗ trợ kịp thời của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức khoa học đóng vai trò hết sức quan trọng, giúp tạo môi trường thuận lợi để phụ nữ theo đuổi và phát triển sự nghiệp nghiên cứu, cống hiến lâu dài cho khoa học nước nhà.

Một minh chứng sinh động cho tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng chinh phục tri thức của phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới chính là Amanda Nguyễn - người phụ nữ gốc Việt đầu tiên bay vào vũ trụ. Hành trình của bà không chỉ là biểu tượng của trí tuệ và bản lĩnh, mà còn thể hiện sâu sắc niềm tự hào dân tộc khi mang theo 169 hạt sen giống - biểu tượng của văn hóa Việt Nam để gieo mầm sự sống trong không gian vô tận, đồng thời cất lên lời chào “Xin chào Việt Nam” giữa vũ trụ bao la. Hình ảnh ấy không chỉ khẳng định ý chí vượt lên mọi giới hạn, mà còn lan tỏa thông điệp mạnh mẽ về năng lực, tiềm năng sáng tạo và khát vọng cống hiến của phụ nữ Việt Nam trong kỷ nguyên khoa học – công nghệ hiện đại. Đó là tấm gương sáng, truyền cảm hứng cho các thế hệ nữ trí thức tiếp tục dẫn thân, đổi mới và góp phần khẳng định vị thế Việt Nam trên bản đồ tri thức toàn cầu.

Những khó khăn và hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, đội ngũ nữ trí thức Việt Nam vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn và hạn chế trong quá trình khẳng định vị thế của mình trong thời đại chuyển đổi số. Trước hết, sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) vẫn còn khiêm tốn. Tính đến năm 2023, chỉ dưới 30% nữ giới trên toàn cầu lựa chọn theo học hoặc làm việc trong các lĩnh vực STEM. Tại Việt Nam, con số này nhỉnh hơn một chút - khoảng 37%, nhưng vẫn phản ánh rõ rệt sự bất bình đẳng giới tính trong lựa chọn nghề nghiệp (Hong Minh, 2025). Điều này cho thấy sự chênh lệch giới vẫn tồn tại rõ rệt trong những lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn cao và khả năng cạnh tranh quốc tế.

Theo báo cáo UNESCO (2023), phụ nữ hiện mới chiếm khoảng 31% lực lượng nghiên cứu khoa học trên thế giới, và sự mất cân bằng giới được thể hiện

rõ hơn ở các vị trí học thuật cấp cao. Tỷ lệ nữ giới tham gia các viện hàn lâm quốc gia chỉ khoảng 12%, cơ hội được mời trình bày tại các hội thảo khoa học lớn cũng hạn chế, và số lượng bài báo mà họ đứng tên tác giả chính vẫn thấp hơn đáng kể so với nam giới. Những con số này cho thấy “trần kính” và “đường ống rò rỉ” vẫn tồn tại, tạo nên nhiều rào cản đối với sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ trong khoa học. Tuy nhiên, bức tranh về bình đẳng giới trong nghiên cứu lại có sự khác biệt lớn giữa các khu vực (BSA, 2025).

Ngoài ra, khoảng cách về kỹ năng số giữa nam và nữ vẫn là vấn đề đáng quan tâm. Theo UNESCO (2022), tỷ lệ nữ tiếp cận và hoàn thành các khóa học về kỹ thuật - công nghệ thấp hơn nam giới khoảng 20%, đặc biệt trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, lập trình và phân tích dữ liệu (UNESCO, 2022). Khoảng cách này không chỉ phản ánh bất bình đẳng trong cơ hội học tập, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh và hội nhập số của phụ nữ. Bên cạnh đó, đa số nữ trí thức phải đối mặt với “gánh nặng kép” giữa công việc chuyên môn và trách nhiệm gia đình. Họ gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa công việc nghiên cứu và chăm sóc gia đình, dẫn đến hạn chế về thời gian và cơ hội tham gia các hoạt động học thuật quốc tế.

Hơn nữa, một bộ phận nữ trí thức vẫn còn tâm lý e dè, thiếu tự tin, ngại khẳng định bản thân trong môi trường học thuật quốc tế. Điều này bắt nguồn từ cả yếu tố xã hội - văn hóa và đặc điểm tâm lý giới, khi nhiều phụ nữ vẫn có xu hướng đánh giá thấp năng lực của mình so với đồng nghiệp nam. Do đó, để khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng và phát huy ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức, cần có những giải pháp đồng bộ, vừa mang tính thể chế, vừa thúc đẩy sự tự tin và khát vọng phát triển trong từng cá nhân.

Bên cạnh những nỗ lực và kết quả đạt được, vẫn còn không ít hạn chế đang cản trở quá trình phát huy tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường của đội ngũ nữ trí thức trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Trước hết, cơ chế, chính sách hỗ trợ phụ nữ trong lĩnh vực khoa học - công nghệ vẫn thiếu tính đặc thù và chưa thực sự tạo ra động lực mạnh mẽ để khuyến khích họ tham gia, cống hiến lâu dài. Các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực nữ trong nghiên

cứu khoa học thường dừng lại ở mức khuyến khích chung, chưa gắn với các cơ chế ưu tiên về tài chính, học bổng hay cơ hội tiếp cận các dự án công nghệ cao.

Thứ hai, hệ thống đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng số cho nữ trí thức chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu chiều sâu và tính thực tiễn. Trong khi chuyển đổi số đòi hỏi năng lực làm chủ công nghệ, dữ liệu và tư duy số, nhiều chương trình đào tạo hiện nay vẫn mang tính lý thuyết, chưa thật sự đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường số hóa.

Bên cạnh đó, những ảnh hưởng mang tính văn hóa - xã hội, đặc biệt là tư tưởng trọng nam khinh nữ và định kiến giới vẫn tồn tại ở nhiều lĩnh vực, khiến không ít nữ trí thức gặp khó khăn trong việc khẳng định năng lực và vươn lên nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý. Dù Luật Bình đẳng giới (2006) và các chính sách của Nhà nước đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, song việc thực thi trên thực tế vẫn còn khoảng cách nhất định, đặc biệt ở khu vực nghiên cứu, công nghệ và giáo dục đại học.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, để khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng và ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức trong kỷ nguyên số, cần có sự vào cuộc đồng bộ của Nhà nước, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và toàn xã hội trong việc hoàn thiện chính sách, đổi mới giáo dục kỹ năng số và thay đổi nhận thức giới một cách căn cơ, bền vững.

3.2. Giải pháp khơi dậy, phát huy tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức trong bối cảnh chuyển đổi số

Để khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp ở cả cấp độ cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

Thứ nhất, từ phía cá nhân nữ trí thức, mỗi người cần xác định tinh thần chủ động học tập suốt đời, coi việc cập nhật tri thức, kỹ năng số và năng lực thích ứng với công nghệ mới là yêu cầu tất yếu của thời đại. Việc tích cực tham gia các khóa học về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kỹ năng lãnh đạo trong môi trường số không chỉ giúp nữ trí thức nâng cao năng lực nghề nghiệp mà còn khẳng định vai trò tiên phong của phụ nữ trong tiến trình phát triển khoa học, công nghệ. Bên cạnh đó, cần phát triển tư duy sáng tạo, bản lĩnh số và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu

trách nhiệm, biến thách thức thành cơ hội để khẳng định vị thế. Quan trọng hơn, phải khơi dậy khát vọng cống hiến, coi việc làm chủ công nghệ số không chỉ là nhu cầu nghề nghiệp mà còn là sứ mệnh của người trí thức đối với đất nước, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Thứ hai, từ phía tổ chức, cơ quan và Nhà nước, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ tham gia sâu rộng hơn vào nghiên cứu, giảng dạy và quản lý khoa học ở các cấp. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ đặc thù như quỹ nghiên cứu dành cho nữ khoa học, học bổng đào tạo kỹ năng số hay chương trình cố vấn nghề nghiệp (mentorship) sẽ giúp tăng tỷ lệ và chất lượng tham gia của nữ trí thức trong lĩnh vực STEM. Cùng với đó, các cơ quan, viện, trường cần xây dựng môi trường làm việc linh hoạt, thân thiện với gia đình, giúp nữ trí thức có thể cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Đặc biệt, Hội Nữ trí thức Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc kết nối, hỗ trợ, bồi dưỡng và vinh danh những gương mặt nữ trí thức tiêu biểu, tạo động lực lan tỏa trong cộng đồng. Cần tạo điều kiện về cơ chế và nguồn lực tài chính cho Hội Nữ trí thức Việt Nam nhằm mở rộng kết nối với đội ngũ nữ trí thức Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời tăng cường hợp tác với các nữ trí thức đến từ các quốc gia khác.

Thứ ba, từ phía xã hội và truyền thông, cần đổi mới nhận thức cộng đồng về hình ảnh người phụ nữ trí thức trong thời đại số, coi họ không chỉ là những người giỏi chuyên môn mà còn là biểu tượng của bản lĩnh, trí tuệ và lòng nhân văn Việt Nam. Việc tăng cường truyền thông về những tấm gương nữ trí thức điển hình, như các nhà khoa học, doanh nhân công nghệ, kỹ sư nữ... sẽ góp phần lan tỏa năng lượng tích cực và tinh thần tự cường đến thế hệ trẻ. Đồng thời, cần xây dựng và kết nối các mạng lưới nữ trí thức trong nước và quốc tế, tạo không gian trao đổi, hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, qua đó nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam trong bản đồ tri thức toàn cầu. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục về bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và đóng góp quan trọng của phụ nữ đối với sự phát triển đất nước. Đồng thời, việc triển khai hiệu quả Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo

lực gia đình phải được thực hiện nhanh chóng và thực chất, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và định hướng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN.

Nữ trí thức là nguồn lực đặc biệt quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước, là biểu tượng của trí tuệ, bản lĩnh và nhân văn Việt Nam. Những giải pháp này, nếu được thực hiện đồng bộ và kiên trì, sẽ tạo nên hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, góp phần nâng cao năng lực số, khơi dậy khát vọng cống hiến và khẳng định vai trò của nữ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng và ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức không chỉ mang ý nghĩa giới, mà còn là một trong những động lực quan trọng để thực hiện khát vọng phát triển quốc gia phồn vinh, hạnh phúc. Với tâm thế “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”, nữ trí thức nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung đang có nhiều cơ hội thuận lợi để tự tin phát huy năng lực, xây dựng nền tảng tri thức cho chính mình, vun đắp để phát triển.

4. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, nữ trí thức Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục và đổi mới sáng tạo. Với tư duy sáng tạo, bản lĩnh nghề nghiệp cùng tinh thần nhân văn sâu sắc, đội ngũ nữ trí thức không chỉ là lực lượng trực tiếp tạo ra tri thức mới mà còn góp phần lan tỏa các giá trị tiên bộ, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Ý chí tự lực, tự cường trở thành động lực nội sinh quan trọng giúp nữ trí thức chủ động thích ứng với yêu cầu của thời đại số, vượt qua rào cản giới, không ngừng học tập, làm chủ công nghệ và khẳng định vị thế trong môi trường khoa học, công nghệ hiện nay. Mặc dù nữ trí thức Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, song những rào cản về định kiến giới, khoảng cách kỹ năng số, áp lực gia đình và hạn chế trong cơ chế hỗ trợ vẫn là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết đồng bộ. Việc khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng và ý chí tự lực, tự cường của nữ trí thức không chỉ là yêu cầu mang tính giới mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm phát huy

tối đa nguồn lực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Khi được tạo điều kiện phát triển toàn diện, nữ trí thức sẽ tiếp tục trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2024). Báo cáo thường niên về bình đẳng giới trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
3. BSA. (2025). *Nữ trí thức Việt Nam cầu nối khoa học và bình đẳng giới trong kỷ nguyên mới*. Trung tâm Nghiên cứu Kinh doanh và Hỗ trợ Doanh nghiệp, truy cập ngày 04/9/2025 tại <https://bsa.org.vn/nu-tri-thuc-viet-nam-cau-noi-khoa-hoc-va-binh-dang-gioi-trong-ky-nguyen-moi>
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I).
5. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (Tập 4, 5, 8). Nhà xuất bản. Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Hội Nữ trí thức Việt Nam. (2023). *Niên giám thống kê nữ trí thức Việt Nam*.
7. Hồng Minh. (2025). *Nữ giới trong STEM làm gì để không tụt hậu*. Báo điện tử Pháp luật, truy cập ngày 14/4/2025 <https://baophapluat.vn/nu-gioi-trong-stem-lam-gi-de-khong-tut-hau-post545303.html>
8. Thúy Hồng. (2025). *Phụ nữ trong kỷ nguyên mới: Thúc đẩy bình đẳng giới (phần 1)*. Báo điện tử Dân tộc và Phát triển, truy cập ngày 20/4/2025 tại <https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/phu-nu-trong-ky-nguyen-moi-thuc-day-binh-dang-gioi-bai-1-1744790105932.htm>
9. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
10. Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 28/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030*.
11. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 569/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.
12. Trọng Nhân. (2025). *Tỷ lệ nhà khoa học nữ ở Việt Nam cao hơn nhiều nước phát triển*. Báo điện tử Tuổi Trẻ, truy cập ngày 28/8/2025 tại <https://tuoitre.vn/ti-le-nha-khoa-hoc-nu-o-viet-nam-cao-hon-nhieu-nuoc-phat-trien-20250828180058957.htm>
13. UNESCO. (2022). *Global Report on Gender and Digital Skills*.